

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**
Số: 34/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày 09 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư các Dự án nhóm B,
nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK **KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 và quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020;

Xét các Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2020, Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2020, Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Quyết định chủ trương đầu tư các Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 – 2020; Báo cáo thẩm tra số 134/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư các Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020, bao gồm:

1. Dự án Đường giao thông đến trung tâm xã Ea M'roh (xã Quảng Hiệp mới), huyện Cư M'gar;
2. Dự án Đường giao thông liên xã Ea Ral - Ea Sol, huyện Ea H'leo;
3. Dự án Quảng trường Trung tâm thị xã Buôn Hồ;
4. Dự án Đường giao thông trục chính Trung tâm N6, huyện Krông Búk;
5. Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3, đoạn Km0+00 - Km24+00 (Phân kỳ đầu tư Km0+00 - Km12+00);
6. Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 9 (Phân kỳ đầu tư Km21+100 - Km27+00);
7. Dự án Mở rộng nút giao bùng binh Km3, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột;
8. Dự án Đường Đông Tây, thành phố Buôn Ma Thuột;
9. Dự án Hồ Thủy lợi Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
10. Dự án Ổn định dân di cư tự do xã Krông Nô, huyện Lắk;
11. Dự án Điều chỉnh quy hoạch bố trí dân di cư tự do xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar;
12. Dự án Điều chỉnh, mở rộng dự án phát triển kinh tế - xã hội, sắp xếp tiếp nhận 400 - 500 hộ kinh tế mới xã Cư Kbang, huyện Ea Súp.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Y Biêr Niê

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
1	Đường giao thông đến trung tâm xã Ea M'roh (xã Quảng Hiệp mới), huyện Cư M'gar	194,407,156,000	Chi tiết tại Phụ lục I.1
2	Đường giao thông liên xã Ea Ral - Ea Sol, huyện Ea H'leo	31,138,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.2
3	Quảng trường trung tâm thị xã Buôn Hồ	29,414,045,000	Chi tiết tại Phụ lục I.3
4	Đường giao thông trục chính trung tâm N6, huyện Krông Búk	42,700,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.4
5	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3, đoạn Km0+00 - Km24+00 (Phân kỳ đầu tư Km0+00 - Km12+00)	60,146,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.5
6	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 9 (Phân kỳ đầu tư Km21+100 - Km27+00)	82,290,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.6
7	Mở rộng nút giao bùng binh Km3, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột	34,906,032,000	Chi tiết tại Phụ lục I.7
8	Đường Đông Tây, thành phố Buôn Ma Thuột	1,239,013,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.8
9	Hồ Thủy lợi Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	1,468,510,396,000	Chi tiết tại Phụ lục I.9
10	Ổn định dân di cư tự do xã Krông Nô, huyện Lắk	49,456,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.10
11	Điều chỉnh quy hoạch bố trí dân di cư tự do xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar	26,611,676,000	Chi tiết tại Phụ lục I.11
12	Điều chỉnh, mở rộng dự án phát triển kinh tế - xã hội, sắp xếp tiếp nhận 400 - 500 hộ kinh tế mới xã Cư Kbang, huyện Ea Súp	70,930,000,000	Chi tiết tại Phụ lục I.12

Phụ lục I.1**Dự án Đường giao thông đến trung tâm****xã Ea M'roh (xã Quảng Hiệp mới), huyện Cư M'gar**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Quy mô đầu tư bổ sung, hoàn thiện dự án:

a) Đoạn đầu tư mới (tiếp tục đầu tư):

Đoạn 4: Km24+396,6 - Km29+638,24 (giao với Quốc lộ 29 tại lý trình Km216+500) thuộc gói thầu số 02.

- Tổng chiều dài tuyến đầu tư: Khoảng L=5,3Km.

- Cấp đường: Đường giao thông cấp IV.

- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 40$ km/h.

- Nền đường rộng 6,5m, mặt đường rộng 5,5m, lề đường 0,5m x 2 bên.

- Loại mặt đường: Cấp cao A1. Kết cấu áo đường làm mới thứ tự từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp Bê tông xi măng đá 1x2 Mác 300 dày 24cm.

+ Lớp giấy dầu tạo phẳng, chống co ngót.

+ Móng cấp phối đá dăm loại 1 ($D_{max}=25$ mm) dày 12cm.

+ Móng cấp phối đá dăm loại 2 ($D_{max}=37,5$ mm) dày 15cm.

+ Nền đường lu lèn $K_{yc} \geq 0,98$.

- Lề đường đắp đất cấp 3, lu lèn $K_{yc} \geq 0,95$.

- Công thoát nước sử dụng công tròn và công bản bê tông cốt thép. Rãnh dọc hình thang đào trần, đối với những đoạn có độ dốc dọc $i_d > 4\%$ gia cố tấm lát bê tông xi măng.

- Hệ thống an toàn giao thông theo QCVN 41:2019/BGTVT.

b) Đoạn đầu tư tăng cường, hoàn thiện:

- Đoạn 3: Km21+235,19 - Km24+396,6; L = 3.161,41m (Gói thầu số 02):

Thảm thêm lớp mặt đường bê tông nhựa tăng cường dày 5cm bê tông nhựa cứng 12,5 trên phạm vi mặt đường cũ. Hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông.

- Hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông cho đoạn 2 Km20+100 - Km21+235,19; L = 1.135,19m (Gói thầu số 02), hoàn thiện hạng mục lan can cầu, khe co giãn, hệ thống an toàn giao thông đường hai đầu cầu Km20+817.

2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 194.407.156.000 đồng (Một trăm chín mươi bốn tỷ, bốn trăm lẻ bảy triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	149.183.117.000	đồng;
- Chi phí đền bù GPMB	:	21.727.457.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	2.682.727.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	7.619.587.000	đồng;
- Chi phí khác	:	3.152.644.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	10.041.624.000	đồng.

Tăng thêm 85.488.156.000 đồng so với tổng mức đầu tư được phê duyệt.

3. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ (Trái phiếu Chính phủ): 53.875.000.000 đồng.

- Ngân sách tỉnh:

+ Giai đoạn 2018-2020: 48.000.000.000 đồng.

+ Giai đoạn 2021-2025: 85.488.156.000 đồng.

4. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đến hết năm 2023./.

Phụ lục I.2**Dự án Đường giao thông liên xã Ea Ral - Ea Sol, huyện Ea H'leo**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Quy mô đầu tư hoàn thiện dự án:

- Đoạn đầu tư mới đoạn từ Km6+019,9 - Km8+221,7. Tổng chiều dài tuyến đầu tư: $L \approx 2,2\text{Km}$.

- Bề rộng nền đường rộng 6,5m; mặt đường rộng 3,5m; lề đường rộng 1,5m x 2bên.

- Kết cấu áo đường cấp cao A2, mặt đường đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm, láng nhựa 3 lớp, tiêu chuẩn nhựa $4,5\text{kg}/\text{m}^2$; Móng đường cấp phối đôi dày 25cm, $K_{yc} \geq 0,98$.

- Lề đường đắp đất cấp 3 chọn lọc, độ chặt $K_{yc} \geq 0,95$.

- Công thoát nước: Vĩnh cửu, tải trọng thiết kế HL93, tần suất thiết kế $P=4\%$.

- Hệ thống an toàn giao thông: Theo QCVN 41:2019/BGTVT.

2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 31.138.000.000 đồng (Ba mươi một tỷ, một trăm ba mươi tám triệu đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	26.960.616.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	647.416.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	2.031.843.000	đồng;
- Chi phí khác	:	1.160.706.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	337.419.000	đồng.

Tăng thêm 8.000 triệu đồng so với tổng mức đầu tư được phê duyệt.

3. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện Ea H'leo.

- Ngân sách tỉnh:

+ Giai đoạn 2009-2020: 18.150 triệu đồng.

+ Giai đoạn sau năm 2020: 8.360 triệu đồng (trong đó, phần tăng thêm 8.000 triệu đồng).

- Ngân sách huyện Ea H'leo: 4.628 triệu đồng.

4. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đến hết năm 2021./.

Phụ lục I.3**Dự án Quãng trường trung tâm thị xã Buôn Hồ**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: **29.414.045.000 đồng** (Hai mươi chín tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 7.152.723.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 197.630.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 416.958.000 đồng;
- Chi phí khác : 528.347.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 2.674.004.000 đồng;
- Chi phí đền bù, GPMB : 18.444.383.000 đồng.

2. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

- Giai đoạn 2019-2020: 13.200.000.000 đồng.
- Giai đoạn sau năm 2020: 16.214.045.000 đồng./.

Phụ lục I.4**Dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6, huyện Krông Búk**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 42.700.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ, bảy trăm triệu đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	24.101.130.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	641.530.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	1.716.780.000	đồng;
- Chi phí khác	:	274.600.000	đồng;
- Chi phí đền bù GPMB	:	14.700.000.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	1.265.960.000	đồng.

Tăng thêm 5.700 triệu đồng so với tổng mức đầu tư được phê duyệt.

2. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh, trong đó:

- Giai đoạn 2019-2020: 23.000 triệu đồng.
- Giai đoạn sau năm 2020: 19.700 triệu đồng./.

Phụ lục I.5**Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3, đoạn Km0+00 - Km24+00
(phân kỳ đầu tư Km0+00 - Km12+00)**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Bổ sung mục tiêu đầu tư: Điều chỉnh kết cấu áo đường của dự án nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, đồng nhất kết cấu áo đường, tăng tuổi thọ công trình, đảm bảo phù hợp và đồng bộ theo quy hoạch và đáp ứng tình hình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

2. Điều chỉnh quy mô đầu tư:

* Kết cấu mặt đường cấp cao A1 (BTNC) đối với các đoạn: Km1+00 - Km3+883,06; Km4+627,90 - Km5+289,41; Km5+920,04 - Km10+164,54; Km10+164,54 - Km10+360,42; Km10+360,42 - Km11+063,66, với kết cấu từ trên xuống như sau:

- Bê tông nhựa BTNC 12,5 dày 5cm.
- Lớp dính bám bằng nhựa pha dầu tiêu chuẩn 0,5Kg/m².
- Bê tông nhựa BTNC 19 dày 7cm.
- Lớp thấm bám bằng nhựa pha dầu tiêu chuẩn 1,0Kg/m².
- Móng trên CPĐD loại 1 ($D_{max}=25mm$), dày 16 cm.
- Móng trên CPĐD loại 2 ($D_{max}=37,5mm$), dày 18 cm.
- Cày xới mặt đường cũ lu lèn đạt $E_{yc} = 70Mpa$.

* Kết cấu mặt đường cấp cao A1 (BTXM) đối với các đoạn bổ sung: Km3+883,06 - Km4+359,15; Km11+063,66 - Km11+256,82; Km11+862,56 - Km12+0,00, với kết cấu từ trên xuống như sau:

- Bê tông xi măng mác M350, đá 1x2 dày 24cm.
- Giấy dầu 01 lớp.
- Móng CPĐD loại 1 ($D_{max}=25mm$) gia cố xi măng 5% dày 15cm.
- Cày xới mặt đường cũ lu lèn đạt $E_{yc} = 70Mpa$.

* Kết cấu mặt đường cấp cao A1 (BTXM) đối với các đoạn: Km5+289,41 - Km5+920,04; Km11+554,86 - Km11+862,56 đã được phê duyệt tại Quyết định số 3089/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên.

* Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thoát nước, bổ sung vượt nổi nút giao dân sinh cho dự án để tăng độ bền vững của công trình và đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình khai thác.

3. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 60.146.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ, một trăm bốn mươi sáu triệu đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 51.493.384.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 1.054.678.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 3.914.884.000 đồng;
- Chi phí khác : 818.535.000 đồng;
- Dự phòng phí : 2.864.519.000 đồng.

Tăng thêm 30.146 triệu đồng so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

4. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

- Giai đoạn 2018-2020: 16.100 triệu đồng.
- Giai đoạn sau năm 2020: 44.046 triệu đồng./.

Phụ lục I.6**Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 9 (Phân kỳ đầu tư Km21+100 - Km27+00)**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Điều chỉnh dự án nhóm: Nhóm B.

2. Bổ sung mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng dự án đảm bảo phù hợp, đồng bộ theo quy hoạch và đáp ứng tình hình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

- Đầu tư hoàn thiện các trục đường chính qua thị trấn Krông Kmar theo quy hoạch đã được phê duyệt.

3. Điều chỉnh địa điểm thực hiện: Huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Do giai đoạn phân kỳ đầu tư Km21+100 - Km27+00 nằm hoàn toàn trên địa phận huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

4. Điều chỉnh quy mô đầu tư:

Điều chỉnh đoạn từ khoảng Km25+271 - Km26+577,21 (khoảng 1.306,21m).

- Loại đường: Đường chính khu vực.

- Cấp kỹ thuật của đường: Cấp 40 ($V_{tk} = 40\text{Km/h}$).

- Bề rộng mặt đường: $B_m = 15\text{m}$ (có lốc vĩa).

- Kết cấu áo đường cấp cao A1 (Bê tông nhựa), mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 155\text{ Mpa}$.

- Hệ thống thoát nước: Vĩnh cửu, bằng bê tông cốt thép; đầu tư đồng bộ (cống thoát nước dọc đặt dưới lòng đường).

- Tải trọng thiết kế cầu cống: HL93; tần suất thiết kế $P=4\%$.

- Hệ thống an toàn giao thông: Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

5. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 82.290.000.000 đồng (Tám mươi hai tỷ, hai trăm chín mươi triệu đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 69.726.842.000 đồng;

- Chi phí quản lý dự án : 1.585.309.000 đồng;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 3.804.336.000 đồng;

- Chi phí khác : 1.194.326.000 đồng;

- Chi phí bồi thường GPMB : 500.000.000 đồng;
- Dự phòng phí : 5.479.187.000 đồng.

Tăng thêm 42.290 triệu đồng so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt.

6. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

- Giai đoạn 2018-2020: 30.000 triệu đồng.
- Giai đoạn sau 2020: 52.290 triệu đồng./.

Phụ lục I.7**Dự án Mở rộng nút giao bùng binh Km3,
phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 34.906.032.000 đồng (Ba mươi bốn tỷ, chín trăm lẻ sáu triệu, không trăm ba mươi hai nghìn đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	997.454.000	đồng;
- Chi phí bồi thường GPMB	:	31.005.127.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	26.686.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	205.000.000	đồng;
- Chi phí khác	:	395.590.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	2.276.175.000	đồng.

Tăng thêm 12.202.640.000 đồng so với tổng mức đầu tư được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 01/9/2017.

2. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách thành phố Buôn Ma Thuột 50% tổng mức đầu tư.

3. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đến hết năm 2021./.

Phụ lục I.8**Dự án Đường Đông Tây, thành phố Buôn Ma Thuột**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 1.239.013.000.000 đồng (Một nghìn hai trăm ba mươi chín tỷ, không trăm mười ba triệu đồng), trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	535.152.948.000	đồng;
- Chi phí thiết bị	:	400.284.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	5.451.876.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	22.077.285.000	đồng;
- Chi phí khác	:	20.402.693.000	đồng;
- Chi phí đền bù giải tỏa	:	621.799.605.000	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	33.728.309.000	đồng.

Tăng thêm 240.896 triệu đồng so với tổng mức đầu tư được phê duyệt.

2. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 898.305 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 340.708 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách tỉnh:

Giai đoạn 2015-2020: 50.181 triệu đồng;

Giai đoạn sau 2020 (60% đối với phần tăng thêm): 144.537,6 triệu đồng.

+ Ngân sách thành phố Buôn Ma Thuột:

Giai đoạn 2015-2020: 49.631 triệu đồng;

Giai đoạn sau 2020 (40% đối với phần tăng thêm): 96.358,4 triệu đồng.

3. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đến hết năm 2022./.

Phụ lục I.9**Dự án Hồ Thủy lợi Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Điều chỉnh quy mô đầu tư:**a) Giai đoạn 1:**

- Chuẩn bị đầu tư; giải phóng mặt bằng phần lòng hồ, đường ven hồ; dọn dẹp lòng hồ;

- Xây dựng hồ chứa với diện tích mặt thoáng 31,26 ha với dung tích hồ 1.277x10³m³

- Đập đất cao 13,5m, mặt đập B=22m kết hợp đường giao thông;

- Tràn xả lũ: Tràn xả sâu, kết cấu bằng bê tông cốt thép, tổng chiều dài L=190,25 m; chiều rộng tràn B=28,0m; lưu lượng tràn Q=411 m³/s;

- Công lấy nước, cầu công tác và nhà tháp trên công: Công lấy nước kết cấu bằng ống thép bọc BTCT, ống thép $\phi=80\text{cm}$; chiều dài thân công L=42m; sau cửa ra công nối tiếp bằng kênh dẫn nước đổ vào kênh xả của tràn. Hạ lưu bố trí nhà van vận hành sau công diện tích DxR=3,9x3,9m với kết cấu nhà bằng khung BTCT, sàn nhà, sàn cầu dẫn, sàn mái bằng BTCT M200, mái lợp ngói.

- Nhà quản lý, cầu qua suối chính;

- Đường giao thông ven hồ: Tuyến đường giao thông ven hồ có tổng chiều dài 3.298,65 m gồm: Tuyến đường số 1A dài 1.253,21m, tuyến đường Nguyễn Du và 1B dài 1.635,92 m, tuyến đường số 14 dài 288,24 m, tuyến Nguyễn Du nối dài dài 92,47 m, tuyến số 2 dài 28,81 m. Mặt đường rộng 14m (riêng tuyến đường số 14 rộng 18m) kết cấu áo đường mềm mặt đường bê tông nhựa. Hai bên là vỉa hè rộng 4m (riêng tuyến đường số 14 rộng 6m) lát gạch terazzo, trên vỉa hè bố trí các hệ thống: Điện chiếu sáng, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước và trồng cây xanh.

b) Giai đoạn 2:

- Giải phóng mặt bằng các tuyến đường kết nối vùng dự án;

- Triển khai thi công xây dựng tuyến kè; các tuyến đường giao thông kết nối vùng dự án (bao gồm hệ thống cấp thoát nước; hệ thống điện chiếu sáng theo các tuyến đường kết nối vùng dự án).

2. Điều chỉnh cơ cấu chi phí, mức đầu tư của 02 giai đoạn:

a) Giai đoạn 1: Mức đầu tư 1.132.205.913.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 426.473.580.000 đồng;

- Chi phí bồi thường, GPMB:	600.000.000.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	6.241.602.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	24.180.384.000 đồng;
- Chi phí khác:	22.315.021.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	52.995.326.000 đồng.

(Các chi phí xây dựng và thiết bị; quản lý dự án; tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác; chi phí dự phòng được xác định theo các quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công dự toán số 1146/QĐ-SNN ngày 13/9/2019 và số 1277/QĐ-SNN ngày 01/11/2019).

b) Giai đoạn 2: Mức đầu tư: 336.304.483.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng:	86.412.537.000 đồng;
- Chi phí bồi thường, GPMB:	228.580.275.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	1.217.555.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	4.369.993.000 đồng;
- Chi phí khác:	4.958.257.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	10.765.866.000 đồng.

3. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư:

- Giai đoạn 1 (2017-2020): 1.132.205.913.000 đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương (vốn Trái phiếu Chính phủ): 700.000.000.000 đồng.

+ Ngân sách tỉnh: 259.323.547.800 đồng.

+ Ngân sách thành phố: 172.882.365.200 đồng.

- Giai đoạn 2 (2021-2024): 336.304.483.000 đồng, trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 201.782.689.800 đồng.

+ Ngân sách thành phố: 134.521.793.200 đồng./.

Phụ lục I.10

Dự án Ổn định dân di cư tự do xã Krông Nô, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk
(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 49.456.000.000 đồng (Bốn mươi chín tỷ, bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng), tăng thêm 13.631.519.000 đồng so với tổng mức đầu tư được phê duyệt, trong đó:

- Vốn xây dựng: 43.605.000.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 234.000.000 đồng;
- Chi phí khác: 5.617.000.000 đồng.

2. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách Trung ương: 30.424.000.000 đồng;
- Ngân sách tỉnh: 16.511.000.000 đồng;
- Nguồn ngân sách huyện đối ứng: 2.521.000.000 đồng.

Khả năng cân đối, bố trí vốn phần ngân sách tỉnh: Tiếp tục tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

3. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đến hết năm 2022./.

Phụ lục I.11**Dự án Điều chỉnh quy hoạch bố trí
dân di cư tự do xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 26.611.676.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ, sáu trăm mười một triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) (Tăng thêm 12.055.526.000 đồng so với tổng mức đầu tư được phê duyệt).

2. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư:

- Vốn đầu tư phát triển: 26.156,676 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp kinh tế: 455 triệu đồng.

- Khả năng cân đối, bố trí vốn phần ngân sách tỉnh: Trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

3. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đến hết năm 2020./.

Phụ lục I.12

**Dự án Điều chỉnh, mở rộng dự án phát triển kinh tế - xã hội,
sắp xếp tiếp nhận 400 - 500 hộ kinh tế mới xã Cư Kbang, huyện Ea Súp**
(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân
dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Điều chỉnh tổng mức đầu tư: 70.930.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ, chín trăm ba mươi triệu đồng), tăng thêm 37.213.000.000 đồng so với tổng mức đầu tư được phê duyệt.

- Đầu tư ổn định dân đã có (vốn sự nghiệp hỗ trợ): 3.828.000.000 đồng.

- Đầu tư mở rộng vùng dự án (vốn đầu tư phát triển): 67.102.000.0000 đồng, trong đó:

+ Chi phí xây dựng	:	58.426.285.000	đồng;
+ Chi phí GPMB	:	557.482.000	đồng;
+ Chi phí quản lý dự án	:	1.161.156.000	đồng;
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	4.629.400.000	đồng;
+ Chi phí khác	:	1.185.936.000	đồng;
+ Chi phí dự phòng	:	588.040.000	đồng;
+ Chi phí thiết bị	:	553.701.000	đồng.

2. Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh

- Khả năng cân đối, bố trí vốn phần ngân sách tỉnh: Tiếp tục tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

3. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đến hết năm 2022./.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuật - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng